

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/DS-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phúc Viễn.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp Tr, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Võ Thị B, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp Tr, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(có mặt Ông A, Bà B xin vắng mặt, ông K vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/10/2023, bản tự khai ngày 04/3/2024 nguyên đơn Ông Lê Văn A trình bày:*

Do quen biết ngày 23/02/2021 ông có cho Bà Võ Thị B và anh Nguyễn Hoàng K mượn số tiền 25.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Bà B và ông K có viết giấy mượn tiền và cam kết mỗi tháng trả cho ông 3.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm khởi kiện Bà B và anh K không trả cho ông khoản tiền nào.

Nhiều lần ông liên hệ Bà B và anh K trả tiền cho ông thì cố tình không thực hiện và cố tình né tránh.

Trước đây ông yêu cầu Bà B và anh K liên đới trả ông 25.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Nhưng sau khi lục lại giấy tờ thì ông mới nhớ Bà B và anh K có trả cho ông 1 phần hiện còn nợ lại 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/10/2022 (Bà B viết và ký tên). Do đó, nay ông chỉ yêu cầu Bà B và anh K liên đới trả 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Bà Võ Thị B tại biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2024 trình bày:

Bà thừa nhận bà có mượn tiền Ông A nhiều lần trong năm 2021 (năm dịch Covid) để trị bệnh. Bà viết và ký tên biên nhận ngày 23/02/2021 mượn số tiền 25.000.000 đồng, bà là người trực tiếp mượn và sử dụng tiền không liên quan Kha. Nguyễn Hoàng K là con bà trước đây làm cùng công ty với Ông A nên trong biên nhận có ghi người thừa kế Nguyễn Hoàng K chịu trách nhiệm mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Do bà bị bệnh nên xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, đồng thời bà đã 60 tuổi nên xin tòa xem xét miễn giảm án phí cho bà.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn Ông Lê Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Bà B liên đới anh K trả cho ông 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả một lần vì số tiền vay đã lâu. Bà B có đơn xin vắng mặt và có ý kiến bà đồng ý trả 20.000.000 đồng và khi nào có điều kiện sẽ trả, bà không đồng ý Kha (con bà) liên đới trả vì bà là người vay và sử dụng tiền. Anh K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả khoản nợ đã vay theo biên nhận đã ký kết với số tiền 20.000.000 đồng là có cơ sở vì bị đơn thừa nhận có vay tiền và có viết, ký tên trong biên nhận. Phía bị đơn không đồng ý trả một lần vì khó khăn, bà xin khi nào có điều kiện thì trả, ý kiến này của Bà B ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn và nguyên đơn

không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Về nghĩa vụ liên đới, Ông A và Bà B đều thừa nhận Bà B là người vay và trực tiếp nhận tiền. Anh K ký tên trong biên nhận ngày 23/02/2021 với tư cách là người thừa kế, không phải người vay tiền. Tại biên nhận ngày 28/10/2022 với số tiền 20.000.000 đồng chỉ có Bà B ký nhận là người nhận, không có chữ ký anh K. Do đó, không có cơ sở buộc anh K liên đới Bà B trả nợ cho Ông A. Tại phiên tòa, Ông A rút lại yêu cầu buộc anh K liên đới trả nợ nên đề nghị đình chỉ. Phía bị đơn Bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có nghĩa vụ trả là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông A buộc Bà B trả 20.000.000 đồng cho Ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại tòa bị đơn Bà B có đơn xin vắng mặt, anh K vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bà B, anh K.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ vay và bị đơn đang cư trú tại xã T, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông A có cho Bà B và anh K mượn 25.000.000 đồng vào ngày 23/02/2021 với số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó, Bà B và anh K có trả nhiều lần tổng cộng 5.000.000 đồng nên ngày 28/10/2022 Bà B có ký biên nhận còn nợ 20.000.000 đồng. Sau đó Bà B và anh K không trả cho Ông A số tiền 20.000.000 đồng dù nhiều lần Ông A yêu cầu trả. Do đó, Ông A yêu cầu Bà B và anh K liên đới trả 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà B đồng ý trả 20.000.000 đồng, không đồng ý Kha liên đới trả và xin không trả một lần.

[4] Xét yêu cầu của Ông A và ý kiến của Bà B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Về số tiền nợ: Phía nguyên đơn cung cấp biên nhận chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Biên nhận ngày 23/02/2021 thể hiện Bà B mượn 25.000.000 đồng và ngày 28/10/2022 thể hiện Bà B nhận 20.000.000 đồng. Bà B và Ông A đều xác nhận hai biên nhận do Bà B tự viết và ký tên. Ông A và Bà B đều thống nhất số tiền nợ hiện nay mà Bà B còn nợ là 20.000.000 đồng phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Lý do Bà B chưa trả tiền được theo thỏa thuận là do bà đang khó khăn. Bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ông A khởi kiện buộc trả là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về nghĩa vụ liên đới: Ông A cho rằng anh K là con của Bà B có ký tên trong biên nhận và cam kết mỗi tháng trả ông 3.000.000 đồng, đồng thời hiện Bà

B không có tài sản nên ông yêu cầu anh K liên đới Bà B trả nợ cho ông. Hội đồng xét xử thấy rằng tại biên nhận ngày 23/02/2021 (bút lục 25), anh K ký tên với tư cách người thừa kế, không phải người mượn tiền. Đồng thời, Ông A và Bà B đều xác định Ông A đưa tiền trực tiếp cho Bà B, có lần giao cho anh K và mục đích là để Bà B sử dụng trị bệnh. Và tại biên nhận ngày 28/10/2022 với số tiền 20.000.000 đồng chỉ có Bà B ký mượn tiền, không có anh K. Ông A không có chứng cứ nào khác chứng minh anh K có sử dụng số tiền mượn nên yêu cầu buộc anh K liên đới trả nợ là không có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ông A rút một phần yêu cầu chỉ buộc Bà B trả nợ. Xét Ông A rút một phần yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu của Ông A đối với anh K theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.3] Về tiền lãi: Phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Xét đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4] Về thời hạn thanh toán: Ông A yêu cầu Bà B trả một lần theo quy định pháp luật. Bà B thì xin khi nào có điều kiện thì trả. Xét thấy, Bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại quyền lợi của Ông A nên việc xin trả sau khi có điều kiện là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà B có nghĩa vụ trả 20.000.000 đồng cho Ông A.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà B xin miễn án phí do 60 tuổi. Xét thấy, tài liệu do Bà B cung cấp là căn cước công dân thể hiện Bà B sinh ngày 20/12/1964, tại thời điểm xét xử Bà B chưa đủ 60 tuổi nên không chấp nhận yêu cầu xin miễn án phí của Bà B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn A.

- Buộc Bà Võ Thị B trả cho Ông Lê Văn A 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu của Ông Lê Văn A đối với anh Nguyễn Hoàng K về việc liên đới Bà Võ Thị B trả 20.000.000 đồng cho Ông A.

2. Về án phí:

- Bà Võ Thị B phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại Ông Lê Văn A 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026394 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà B, anh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyền